



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

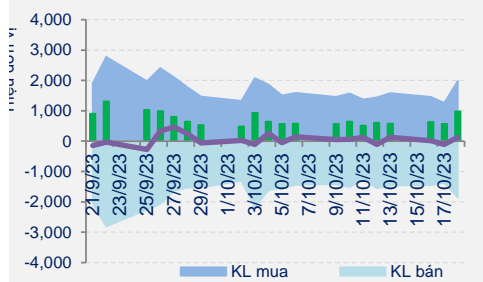
18/10/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

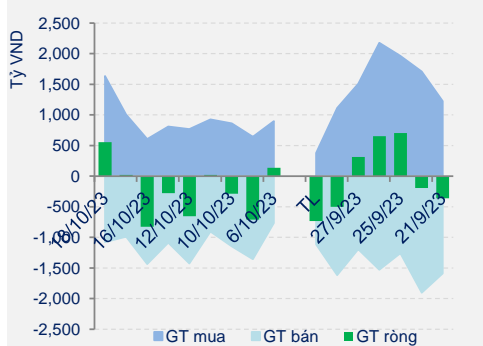
| Thông kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,103.40 | 227.11 |
| % Thay đổi | ↓ -1.63% | ↓ -1.27% |
| KLGD (CP) | 977,277,516 | 130,232,366 |
| GTGD (tỷ đồng) | 21,820.08 | 2,604.88 |
| Tổng cung (CP) | 1,855,286,211 | 165,005,800 |
| Tổng cầu (CP) | 1,985,482,091 | 170,035,700 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP) | 32,775,537 | 1,208,500 |
| KL mua (CP) | 50,442,327 | 1,116,691 |
| GT mua (tỷ đồng) | 1,635.48 | 39.95 |
| GT bán (tỷ đồng) | 1,078.26 | 25.55 |
| GT ròng (tỷ đồng) | 557.22 | 14.40 |

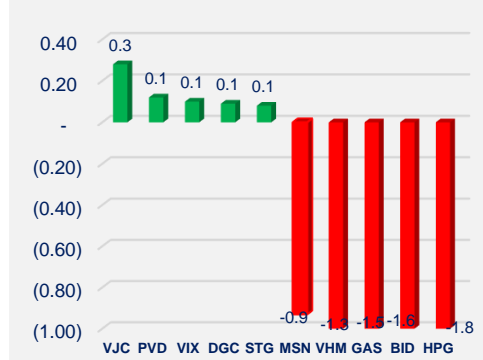
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau áp lực bán mạnh đột biến cuối phiên trước, VN-INDEX đã nỗ lực phục hồi khi tăng lên vùng 1.125 điểm với thanh khoản cải thiện trong phiên sáng. Tuy nhiên áp lực bán bắt đầu gia tăng mạnh đột biến trong phiên chiều khi áp lực chốt lỗ của các vị thế ngắn hạn gia tăng mạnh, dẫn đến VN-INDEX bị bán mạnh với thanh khoản gia tăng tiêu cực, VN-INDEX giảm mạnh không giữ được giá thấp nhất 1.106 điểm ngày 04/10/2023 về mức 1.088,87 điểm mới hồi phục trở lại. Kết phiên VN-INDEX giảm 18,25 điểm (-1,63%) về mức 1.103,40 điểm. HNX-INDEX giảm 1,27 điểm (-1,27%) về mức 227,11 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết tiêu cực với áp lực bán áp đảo khi có 626 mã giảm giá (37 mã giảm sàn), 86 mã tăng giá (03 mã tăng trần) và 66 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 24.417,28 tỷ đồng được giao dịch, tăng mạnh 56,42% so với phiên trước, khối lượng giao dịch trên HOSE hơn 01 tỷ cổ phiếu, vượt mức trung bình. Cho thấy áp lực bán gia tăng mạnh khá đột biến ở nhiều mã, nhóm mã. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch khi thị trường giảm mạnh, gia tăng mua ròng với giá trị 557,22 tỷ đồng trên HOSE; mua ròng trên HNX với giá trị 14,40 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin tổng sản phẩm quốc nội của Trung Quốc trong quý III/2023 tăng 4,9% so với cùng kỳ năm ngoái, vượt kỳ vọng của thị trường. Theo cơ quan Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS) cho biết, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới trong quý III/2023 tăng trưởng 1,3% so với quý trước đó, lấy lại động lực sau khi mức tăng trưởng 0,5% của quý II. Trước đó, các nhà kinh tế dự báo với Reuters rằng, mức tăng trưởng quý III của Trung Quốc là 4,5%.

Với áp lực bán mạnh đột biến, rất nhiều mã, nhóm mã tiếp tục luân phiên giảm điểm mạnh. Trong đó nhóm cổ phiếu xây dựng, vật liệu xây dựng có diễn biến kém tích cực nhất trong phiên hôm nay khi nhiều mã giảm hết biên độ, thanh khoản tăng mạnh với PLC (-7,90%), KSB (-6,93%), FCN (-6,81%), CII (-6,81%), LCG (-6,67%), PHC (-6,37%)...

Các cổ phiếu bất động sản tiếp tục có diễn biến tiêu cực, nhiều mã tiếp tục chịu áp lực bán mạnh, thanh khoản gia tăng như DRH (-6,95%), ITC (-6,90%), DIG (-6,86%), NHA (-6,71%), SJS (-6,44%), HDC (-5,56%), DXG (-5,49%)... Nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp cũng chịu áp lực bán mạnh trong phiên chiều, nhưng sau đó phân hóa tích cực hơn, nhiều mã phục hồi tốt cuối phiên với SZC (+4,41%), IDC (+2,00%) tăng giá, nhưng đa số vẫn chịu áp lực bán mạnh như DTD (-6,96%), ITA (-5,57%), LHG (-5,28%), SIP (-5,25%)...

Trong khi đó các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán lại phục hồi khá tốt trong phiên thị trường chung giảm mạnh khi nhiều mã tăng điểm nhẹ như VIX (+3,85%), MBS (+1,96%), SHS (+1,85%), VND (+0,75%)... ngoài đa số mã vẫn chịu áp lực bán mạnh, thanh khoản gia tăng với CTS (-6,64%), PSI (-5,49%), BVS (-4,72%), TVS (-4,55%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2310 giảm 9,9 điểm (-0,87%), mức chênh lệch thu hẹp âm -0,56 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng mạnh 20,28% so với phiên trước, khối lượng khi thị trường biến động mạnh. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2311, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch âm từ -5,56 điểm đến -10,46 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn gia tăng, cho thấy các trader vẫn kém lạc quan với VN30 và gia tăng phòng ngừa rủi ro ở các kỳ hạn lớn, cũng như dịch chuyển đầu cơ sang kỳ hạn VN30F2311.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Đà giảm của Vn-Index vẫn chưa kết thúc khi thị trường tiếp tục đóng cửa giảm khá mạnh dù có nỗ lực hồi phục cuối phiên. Chốt phiên giao dịch VnIndex giảm -18.25 điểm (-1,63%) và đóng cửa ở 1.103,40 điểm. Như vậy với điểm số hiện tại Vn-Index đã trở lại đáy cũ đầu tháng 10 của đợt hồi phục. Diễn biến cuối phiên hôm nay mở ra hy vọng Vn-Index có thể hình thành đáy W tin cậy nếu thị trường hồi phục trong các phiên tới.

Về góc nhìn trung hạn, Vn-Index xác nhận đã kết thúc xu hướng uptrend và đang trong quá trình tìm kiếm vùng cân bằng mới để tích lũy trở lại với thời gian dự kiến sẽ kéo dài. Với nền tảng gốc tích lũy của uptrend trước đó là khá tốt, chúng tôi kỳ vọng quá trình hình thành nền mới có thể trong khoảng 1.100 điểm - 1.250 điểm. Trong kịch bản xấu với xác suất thấp, thị trường sẽ tích lũy lại quanh vùng nền tảng trung hạn trước đây từ 1.000 điểm - 1.100 điểm

Thị trường test lại đáy điều chỉnh và vẫn có khả năng phục hồi theo mô hình W, nhà đầu tư ngắn hạn có khẩu vị rủi ro cao có thể xem xét mua với tỷ trọng thấp nếu VnIndex có tín hiệu tăng điểm phục hồi trong các phiên tới. Nhà đầu tư trung, dài hạn đã mua vào từ đầu sóng theo khuyến nghị của chúng tôi tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại chờ thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 18/10/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

| MÃ | Giá hiện tại (1.000đ) | Vùng mua dự kiến (1.000 đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Thông số cơ bản | | | Điều kiện giải ngân |
|-----|--------------------------|-------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|--------------------|--------------------|------------------------|
| | | | | | P/E | T.trường Doanh thu | T.trường Lợi nhuận | |
| PVP | 14.60 | 13-14 | 17.5-18.2 | 12 | 8.0 | 75.4% | -68.3% | Theo dõi chờ giải ngân |
| PHR | 47.90 | 46-48 | 57-59 | 43 | 7.3 | -54.5% | 136.4% | Theo dõi chờ giải ngân |
| MBS | 20.80 | 18.5-20 | 24-25 | 17.5 | 18.8 | 25.4% | 37.2% | Theo dõi chờ giải ngân |
| KBC | 30.35 | 28-29.5 | 34-35 | 27 | 6.9 | 491.3% | 368.1% | Theo dõi chờ giải ngân |
| DPM | 36.00 | 38-38.7 | 44-46 | 35 | 5.6 | -26.1% | -92.4% | Theo dõi chờ giải ngân |

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị thế | MÃ | Giá hiện tại (1.000đ) | Giá mua (1.000đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Hiệu quả đầu tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|----------------|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------|----------------------------|
| 19/5/23 | DPR | 34.0 | 25.9 | 35-37 | 33 | 31.3% | Bán |
| 2/8/23 | VNM | 73.9 | 72.95 | 87-89 | 72 | 1.3% | Nắm giữ |
| 28/9/23 | BSR | 20.6 | 21.7 | 26-28 | 20 | -5.0% | Nắm giữ |
| 6/10/23 | VHM | 43.3 | 45 | 61-63 | 43 | -3.8% | Nắm giữ |
| 13/10/23 | PVP | 14.6 | 14.85 | 18.2-19 | 14.5 | -1.7% | Nắm giữ |



TIN VĨ MÔ

Giá trị trái phiếu chậm trả gốc/lãi chạm mốc 195 nghìn tỷ đồng vào cuối năm

Giá trị trái phiếu chậm trả gốc/lãi tính đến tháng 9/2023 là 175.000 tỷ đồng và sẽ tăng lên 195.000 tỷ đồng vào cuối năm; trong đó, phần lớn là các trái phiếu chậm trả đến từ các ngành hàng đang gặp khó khăn là bất động sản, xây dựng và năng lượng tái tạo... Đây là nhận định của VIS Rating tại báo cáo Góc nhìn Thị trường trái phiếu doanh nghiệp vừa được công bố. Việc chủ động thực hiện đàm phán với trái chủ thời gian qua đã giúp tránh được nhiều trường hợp phát sinh chậm trả gốc/lãi. Với nhận định các điều kiện tín dụng năm 2024 sẽ ổn định, VIS Rating kỳ vọng rủi ro tái cấp vốn đối với các tổ chức phát hành trái phiếu sẽ được giảm bớt đáng kể.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Hoa Kỳ đạt trên 80 tỷ USD

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2023, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 8,11 tỷ USD, qua đó nâng kim ngạch xuất khẩu tính từ đầu năm đến hết tháng 9 đạt 70,23 tỷ USD. Từ đầu năm đến nay, xuất khẩu hàng hoá sang Hoa Kỳ gặp khó khăn do nhu cầu thị trường suy giảm, nên kim ngạch xuất khẩu giảm khoảng 15 tỷ USD so với cùng kỳ năm ngoái (cùng kỳ đạt 85,2 tỷ USD). Tuy nhiên, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Trong các nhóm hàng xuất khẩu sang Hoa Kỳ, nhóm hàng có kim ngạch lớn nhất là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng với 12,5 tỷ USD. Tiếp theo là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 11,82 tỷ USD; dệt may đạt hơn 11 tỷ USD...

GDP Trung Quốc tăng vượt dự báo

GDP Trung Quốc tăng 4,9% trong quý III so với cùng kỳ năm ngoái, kéo cao kỳ vọng đạt mục tiêu tăng trưởng năm nay. Số liệu vừa được Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc công bố cho thấy GDP nền kinh tế lớn nhì thế giới tăng 4,9% quý trước so với năm ngoái. Tốc độ này cao hơn dự báo của các nhà kinh tế học trong khảo sát của Reuters là 4,6%. Trước đó, tăng trưởng đạt 4,6% quý I và 6,3% quý II. So với quý trước, GDP Trung Quốc tăng 1,3%, cũng mạnh hơn dự báo và cao hơn quý II. Nhiều số liệu khác cũng cho thấy sự khởi sắc.

Khánh thành 93 km cao tốc Bắc - Nam qua Thanh Hóa và Nghệ An

Sáng nay (18/10), tại cửa hầm phía Bắc hầm Trường Vinh thuộc địa phận xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Bộ GTVT đã tổ chức "Lễ Khánh thành Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn và Nghi Sơn - Diễn Châu. Đây là 2 dự án thành phần cao tốc Bắc - Nam phía Đông được đưa vào khai thác tạm từ ngày 1/9/2023 và đã Bộ GTVT và các cơ quan, đơn vị liên quan đã cơ bản hoàn thành các hạng mục còn lại như: đường gom dân sinh, hệ thống thoát nước... đảm bảo thuận lợi, an toàn trong quá trình khai thác đồng bộ từ giữa tháng 10/2023.



TIN DOANH NGHIỆP

PV Trans Pacific (PVP) báo lãi 9 tháng đạt 157 tỷ đồng, hoàn thành 98% mục tiêu năm

CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PV Trans Pacific , mã chứng khoán PVP - sàn HOSE) công bố BCTC quý III và lũy kế 9 tháng năm 2023. Trong quý III, PVP ghi nhận doanh thu thuần đạt 562,5 tỷ đồng, tăng 75% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó, giá vốn giảm được 61%, xuống còn 473,8 tỷ đồng giúp lợi nhuận gộp đạt 88,7 tỷ đồng, gấp 3,5 lần cùng kỳ. Biên lợi nhuận gộp được cải thiện rõ rệt từ 8% lên 15,8%. Kết quả, Công ty lãi sau thuế 55,9 tỷ đồng trong quý III/2023, giảm 68% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 9 tháng 2023, PVP mang về 1.228 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 28% so với cùng kỳ năm trước. Dù vậy, lợi nhuận ròng vẫn giảm 24%, xuống mức 157 tỷ đồng.

Tự doanh thắng lớn, Chứng khoán VIX lãi gần 200 tỷ đồng trong quý 3

CTCP Chứng khoán VIX (HOSE: VIX) công bố kết quả kinh doanh quý 3/2023 tích cực, lãi sau thuế tăng 126% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động tự doanh là điểm sáng. Quý 3, doanh thu hoạt động đạt 323 tỷ đồng, tăng 77% so với cùng kỳ. Hoạt động tự doanh là điểm sáng lớn nhất, lãi từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) đạt 163 tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ. Sau khấu trừ lỗ từ tài sản FVTPL và chi phí tự doanh, hoạt động này lãi ròng 114 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, doanh thu hoạt động và lãi sau thuế lần lượt đạt 1,283 tỷ đồng và 775 tỷ đồng, tương ứng tăng 35% và 87% so với cùng kỳ. Đây là kết quả doanh thu và lãi sau thuế 9 tháng cao nhất trong vòng 10 năm qua.

Vinatex mới đạt 40% kế hoạch lợi nhuận năm, dự báo cầu hàng dệt may 2024 vẫn thấp

Tại Hội nghị thảo luận phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2024, Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex, UPCoM: VGT) cho biết kết quả kinh doanh không thuận lợi bởi tổng cầu hàng dệt may thế giới giảm, hết 9 tháng 2023, doanh thu của Tập đoàn đạt 71% và lợi nhuận mới đạt 40% kế hoạch. Dự liệu thị trường khó, năm 2023, Vinatex lên kế hoạch kinh doanh thận trọng với lợi nhuận trước thuế giảm khoảng 50% so với năm trước, tương ứng 610 tỷ đồng và doanh thu hợp nhất giảm 11% còn 17,500 tỷ đồng. Với dự ước của lãnh đạo Vinatex nêu trên, Tập đoàn có thể đạt doanh thu hơn 12,400 tỷ đồng và lãi trước thuế hơn 240 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2023.

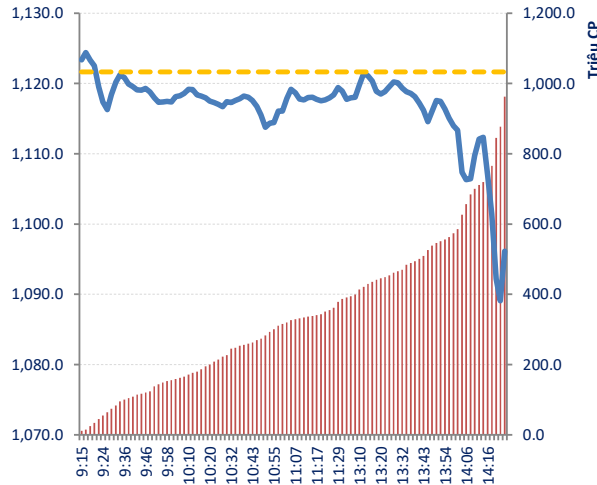
PG Bank giảm 60% lãi trước thuế quý 3/2023

Theo BCTC quý 3/2023 vừa công bố, Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank, UPCoM: PGB) lãi trước thuế gần 57 tỷ đồng, giảm 60% so với cùng kỳ năm trước, do tất cả mảng kinh doanh đều đi lùi. Quý 3, tất cả mảng kinh doanh của PG Bank đều đi lùi so với cùng kỳ. Thu nhập lãi thuần đạt gần 279 tỷ đồng, giảm 16%. Các nguồn thu ngoài lãi đều sụt giảm mạnh như lãi từ dịch vụ (-42%), lãi từ kinh doanh ngoại hối (-61%), lãi từ hoạt động khác (-76%). Lũy kế 9 tháng đầu năm, nguồn thu chính tăng 10% so với cùng kỳ, đạt hơn 959 tỷ đồng thu nhập lãi thuần. Tuy nhiên, các nguồn thu ngoài lãi đều sụt giảm. So với kế hoạch lãi trước thuế 530 tỷ đồng đặt ra cho năm 2023, PG Bank thực hiện được 68% mục tiêu sau 9 tháng.

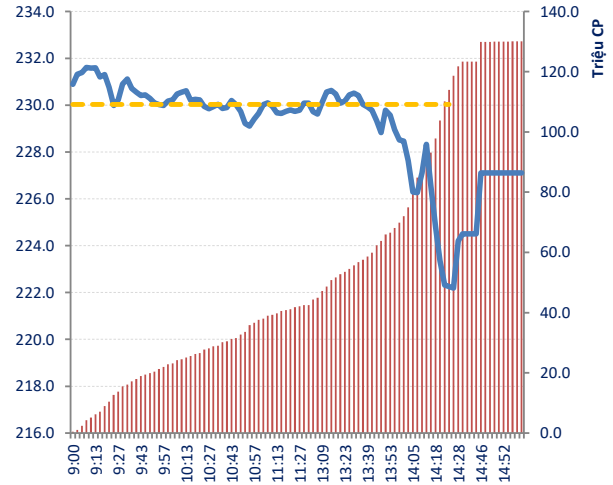


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

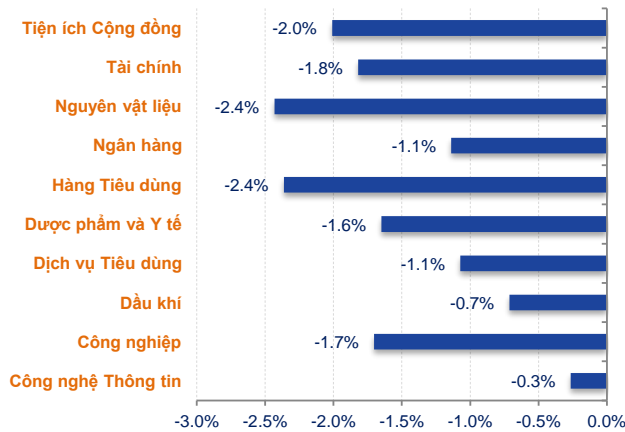
KLGD và VN-Index trong phiên



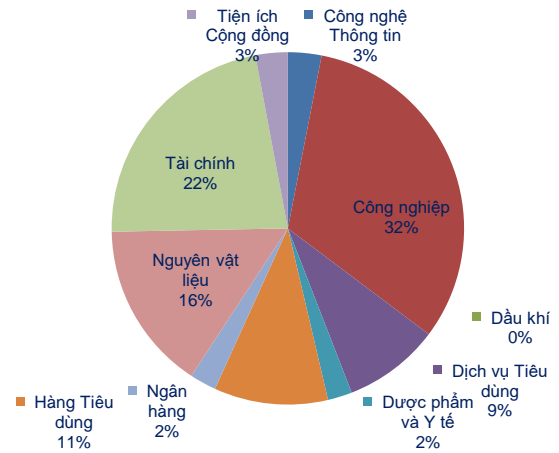
KLGD và HNX-Index trong phiên



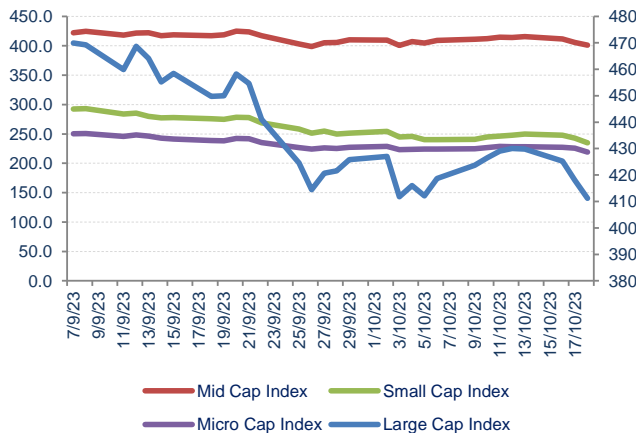
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



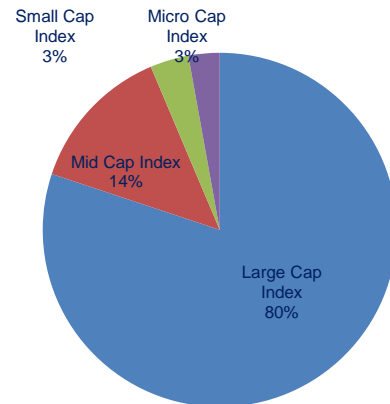
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng | TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | STB | 4,032,300 | EIB | 1,584,600 | 1 | IDC | 471,350 | SHS | 573,696 |
| 2 | VIX | 2,721,500 | VPB | 944,054 | 2 | TNG | 186,600 | MBS | 177,820 |
| 3 | DXG | 2,008,113 | NVL | 913,170 | 3 | CEO | 131,000 | PVS | 53,900 |
| 4 | GEX | 1,948,104 | VHM | 763,608 | 4 | PVI | 29,305 | VIG | 53,400 |
| 5 | PVD | 1,830,236 | LPB | 753,100 | 5 | API | 17,500 | NVB | 50,000 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD | Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|-----|------------|----------|----------|------------|
| VIX | 14.30 | 14.85 | ↑ 3.85% | 48,845,800 | SHS | 16.20 | 16.50 | ↑ 1.85% | 38,260,704 |
| VPB | 22.70 | 22.50 | ↓ -0.88% | 42,138,000 | PVS | 38.00 | 38.50 | ↑ 1.32% | 12,523,761 |
| SHB | 10.60 | 10.40 | ↓ -1.89% | 32,907,300 | CEO | 19.00 | 18.20 | ↓ -4.21% | 10,867,376 |
| HPG | 24.80 | 24.00 | ↓ -3.23% | 31,519,100 | MBS | 20.40 | 20.80 | ↑ 1.96% | 8,511,228 |
| VND | 20.00 | 20.15 | ↑ 0.75% | 29,595,800 | HUT | 22.30 | 21.80 | ↓ -2.24% | 7,713,581 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % | Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|-----|------------|----------|------|---------|
| CCI | 21.10 | 22.55 | 1.45 | ↑ 6.87% | SDT | 4.10 | 4.50 | 0.40 | ↑ 9.76% |
| SPM | 12.65 | 13.45 | 0.80 | ↑ 6.32% | QHD | 35.60 | 39.00 | 3.40 | ↑ 9.55% |
| STG | 48.00 | 51.00 | 3.00 | ↑ 6.25% | TMX | 10.80 | 11.80 | 1.00 | ↑ 9.26% |
| PGI | 25.00 | 26.55 | 1.55 | ↑ 6.20% | VLA | 19.80 | 21.40 | 1.60 | ↑ 8.08% |
| BKG | 4.84 | 5.13 | 0.29 | ↑ 5.99% | VE3 | 10.00 | 10.80 | 0.80 | ↑ 8.00% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % | Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|-----|------------|----------|--------|----------|
| PTL | 4.44 | 4.13 | -0.31 | ↓ -6.98% | HHC | 105.30 | 94.80 | -10.50 | ↓ -9.97% |
| SRC | 27.20 | 25.30 | -1.90 | ↓ -6.99% | PCG | 7.20 | 6.50 | -0.70 | ↓ -9.72% |
| DRH | 4.89 | 4.55 | -0.34 | ↓ -6.95% | HJS | 38.10 | 34.40 | -3.70 | ↓ -9.71% |
| BCG | 8.50 | 7.91 | -0.59 | ↓ -6.94% | LDP | 15.50 | 14.00 | -1.50 | ↓ -9.68% |
| IDI | 13.00 | 12.10 | -0.90 | ↓ -6.92% | TTH | 5.20 | 4.70 | -0.50 | ↓ -9.62% |

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| VIX | 48,845,800 | 7.0% | 839 | 17.0 | 1.1 |
| VPB | 42,138,000 | 9.7% | 1,532 | 14.8 | 1.4 |
| SHB | 32,907,300 | 17.7% | 2,183 | 4.9 | 0.7 |
| HPG | 31,519,100 | -2.0% | (328) | - | 1.5 |
| VND | 29,595,800 | 3.9% | 467 | 42.8 | 1.6 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| SHS | 38,260,704 | 4.3% | 507 | 31.9 | 1.3 |
| PVS | 12,523,761 | 7.2% | 1,953 | 19.5 | 1.4 |
| CEO | 10,867,376 | 7.7% | 889 | 21.4 | 1.3 |
| MBS | 8,511,228 | 10.4% | 1,104 | 18.5 | 1.8 |
| HUT | 7,713,581 | 1.3% | 120 | 185.6 | 2.0 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| CCI | ↑ 6.9% | 11.0% | 1,642 | 12.9 | 1.5 |
| SPM | ↑ 6.3% | 2.4% | 1,370 | 9.2 | 0.2 |
| STG | ↑ 6.3% | 9.6% | 2,092 | 22.9 | 2.1 |
| PGI | ↑ 6.2% | 0.0% | - | - | 1.6 |
| BKG | ↑ 6.0% | 2.0% | 258 | 18.7 | 0.4 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| SDT | ↑ 9.8% | -2.0% | (378) | - | 0.2 |
| QHD | ↑ 9.6% | 20.7% | 4,013 | 8.9 | 1.7 |
| TMX | ↑ 9.3% | 5.4% | 851 | 12.7 | 0.7 |
| VLA | ↑ 8.1% | 8.7% | 901 | 22.0 | 1.7 |
| VE3 | ↑ 8.0% | -3.0% | (421) | - | 0.7 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| STB | 4,032,300 | 17.2% | 3,601 | 8.3 | 1.4 |
| VIX | 2,721,500 | 7.0% | 839 | 17.0 | 1.1 |
| DXG | 2,008,113 | -1.4% | (317) | - | 0.7 |
| GEX | 1,948,104 | 1.6% | 385 | 52.5 | 0.8 |
| PVD | 1,830,236 | 1.8% | 448 | 60.3 | 1.1 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| IDC | 471,350 | 20.7% | 3,969 | 12.6 | 2.7 |
| TNG | 186,600 | 15.5% | 2,372 | 7.9 | 1.2 |
| CEO | 131,000 | 7.7% | 889 | 21.4 | 1.3 |
| PVI | 29,305 | 0.5% | 187 | 238.8 | 1.2 |
| API | 17,500 | 6.3% | 721 | 8.3 | 0.5 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| VCB | 480,103 | 23.0% | 5,797 | 14.8 | 2.7 |
| BID | 208,917 | 19.0% | 4,025 | 10.3 | 1.8 |
| GAS | 195,682 | 20.3% | 5,567 | 15.3 | 2.4 |
| VHM | 193,769 | 29.1% | 10,341 | 4.3 | 1.1 |
| VIC | 167,813 | 3.9% | 1,395 | 31.5 | 1.2 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| HUT | 19,903 | 1.3% | 120 | 185.6 | 2.0 |
| PVS | 18,163 | 7.2% | 1,953 | 19.5 | 1.4 |
| IDC | 16,500 | 20.7% | 3,969 | 12.6 | 2.7 |
| THD | 13,898 | 2.9% | 458 | 78.8 | 2.1 |
| SHS | 13,173 | 4.3% | 507 | 31.9 | 1.3 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|------|-------|-----|
| QCG | 4.12 | -0.4% | (63) | - | 0.7 |
| EVG | 2.94 | 1.3% | 157 | 32.3 | 0.4 |
| VPB | 2.84 | 0.4% | 39 | 193.1 | 0.7 |
| VIX | 2.63 | 7.0% | 839 | 17.0 | 1.1 |
| GEX | 2.63 | 1.6% | 385 | 52.5 | 0.8 |

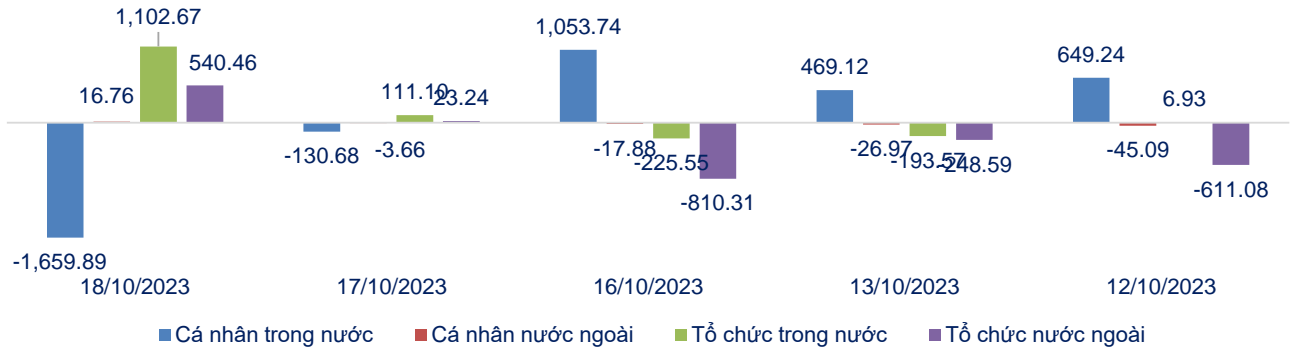
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| VC7 | 3.41 | 6.2% | 682 | 31.1 | 1.9 |
| VC2 | 2.75 | 3.9% | 553 | 19.4 | 0.7 |
| APS | 2.68 | -28.8% | (3,372) | - | 0.7 |
| IVS | 2.67 | 2.8% | 298 | 32.9 | 0.9 |
| SDA | 2.61 | -0.3% | (21) | - | 0.8 |



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| VCI | 30.94 | 5.0% | 783 | 48.6 | 2.3 |
| NVL | 30.88 | -1.3% | (295) | - | 0.6 |
| SBT | 26.17 | 5.3% | 716 | 19.6 | 1.0 |
| HDB | 23.82 | 20.3% | 2,765 | 6.3 | 1.1 |
| VHM | 17.74 | 29.1% | 10,341 | 4.3 | 1.1 |

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VPB | -265.31 | 9.7% | 1,532 | 14.8 | 1.4 |
| STB | -124.61 | 17.2% | 3,601 | 8.3 | 1.4 |
| FPT | -120.05 | 22.1% | 4,596 | 20.3 | 3.6 |
| HPG | -100.83 | -2.0% | (328) | - | 1.5 |
| GMD | -99.37 | 26.9% | 7,567 | 8.5 | 2.0 |

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| FPT | 3.18 | 22.1% | 4,596 | 20.3 | 3.6 |
| DBC | 3.01 | 2.9% | 551 | 38.1 | 1.1 |
| PVD | 2.57 | 1.8% | 448 | 60.3 | 1.1 |
| SSI | 2.24 | 7.3% | 1,093 | 28.8 | 2.1 |
| HCM | 1.46 | 7.2% | 1,249 | 22.5 | 1.6 |

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VPB | -11.82 | 9.7% | 1,532 | 14.8 | 1.4 |
| VIX | -0.99 | 7.0% | 839 | 17.0 | 1.1 |
| GEX | -0.65 | 1.6% | 385 | 52.5 | 0.8 |
| VIC | -0.28 | 3.9% | 1,395 | 31.5 | 1.2 |
| NAF | -0.26 | 11.3% | 1,620 | 9.3 | 1.0 |

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VPB | 287.42 | 9.7% | 1,532 | 14.8 | 1.4 |
| GMD | 87.74 | 26.9% | 7,567 | 8.5 | 2.0 |
| FPT | 83.80 | 22.1% | 4,596 | 20.3 | 3.6 |
| HPG | 81.63 | -2.0% | (328) | - | 1.5 |
| MWG | 79.09 | 6.6% | 1,069 | 43.3 | 2.9 |

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| SBT | -26.30 | 5.3% | 716 | 19.6 | 1.0 |
| HDB | -21.80 | 20.3% | 2,765 | 6.3 | 1.1 |
| DXG | -20.00 | -1.4% | (317) | - | 0.7 |
| NVL | -18.68 | -1.3% | (295) | - | 0.6 |
| HAG | -11.95 | 19.9% | 1,114 | 7.2 | 1.4 |

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

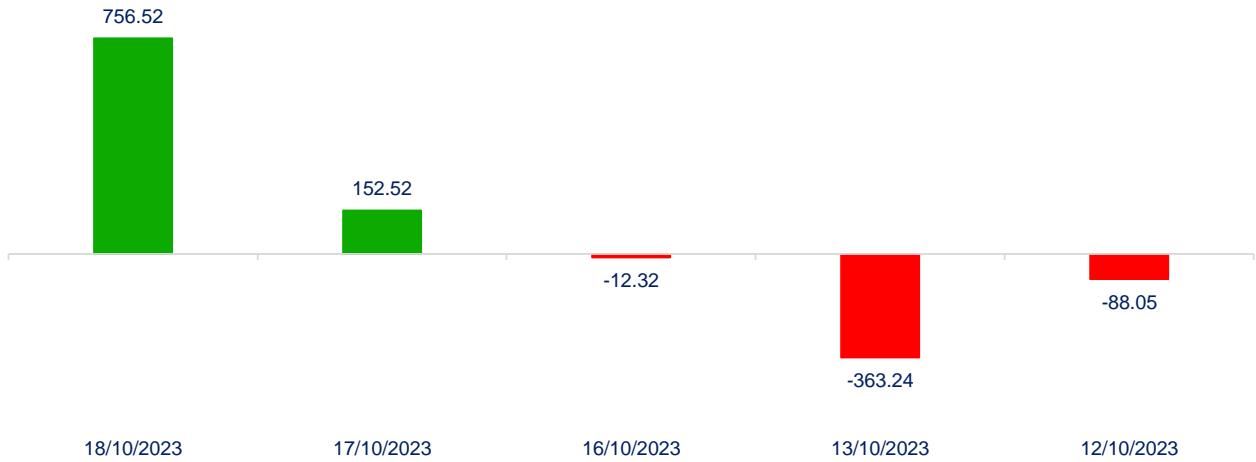
| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| STB | 120.68 | 17.2% | 3,601 | 8.3 | 1.4 |
| SSI | 48.01 | 7.3% | 1,093 | 28.8 | 2.1 |
| PVD | 47.70 | 1.8% | 448 | 60.3 | 1.1 |
| VIX | 41.73 | 7.0% | 839 | 17.0 | 1.1 |
| GEX | 40.62 | 1.6% | 385 | 52.5 | 0.8 |

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

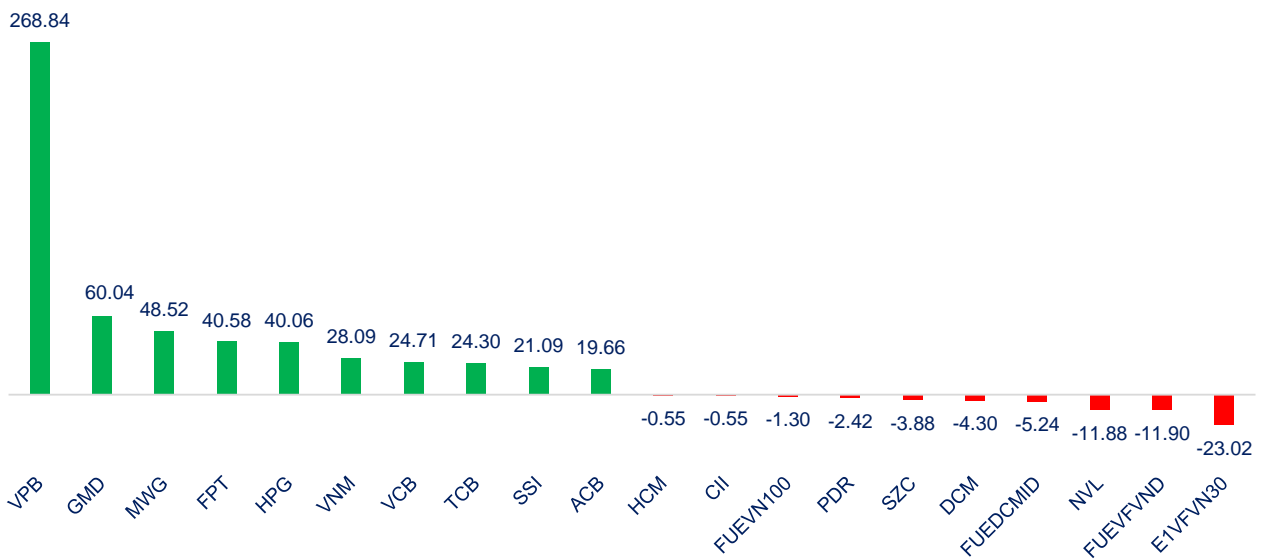
| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| VHM | -34.31 | 29.1% | 10,341 | 4.3 | 1.1 |
| EIB | -26.67 | 12.2% | 1,462 | 11.8 | 1.2 |
| VNM | -25.46 | 23.9% | 3,937 | 19.0 | 4.3 |
| VCI | -21.60 | 5.0% | 783 | 48.6 | 2.3 |
| VRE | -16.75 | 10.6% | 1,588 | 17.0 | 1.8 |



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn